

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:	Kỹ sư Công nghệ Dệt, may
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Công nghệ Dệt, may
Mã số:	7540204
Loại hình đào tạo:	Chính quy

(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ dệt, may của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để phân tích, thiết kế, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp, sử dụng các công cụ, phần mềm, thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong quá trình hoàn thiện các sản phẩm may và thời trang. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực may và thời trang. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực Dệt, may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập; giao tiếp hiệu quả; khả năng tự học; tham gia vào các cơ hội học tập suốt đời và luôn cập nhật các xu hướng về thời trang, chất liệu, hoa văn và họa tiết, cũng như công nghệ mới nổi trong lĩnh vực dệt, may và thời trang.

PO4: Phát triển khả năng hình thành ý tưởng thiết kế, thiết kế mẫu thời trang, thực hiện và vận hành thiết bị trên dây chuyền may, thực hiện mẫu vẽ thành sản phẩm thực tế cũng

như phát triển hệ thống hình ảnh quảng bá sản phẩm, sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực dệt may và thời trang đảm bảo chất lượng, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong sản xuất may công nghiệp đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ dệt, may có khả năng:

PLO1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp.

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn cơ bản liên quan đến lĩnh vực dệt may và thời trang.

PLO3: Vận dụng kiến thức ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong hoạt động nghề nghiệp của ngành công nghệ Dệt, may.

PLO4: Ứng dụng các phần mềm chuyên ngành và những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn của ngành công nghệ Dệt, may.

Modul 1: Chuyên ngành Công nghệ may

PLO5.01: Phân tích được các khối kiến thức chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp để thiết kế quy trình công nghệ gia công và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp.

Modul 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang

PLO5.02: Có khả năng phân tích được các khối kiến thức chuyên ngành TKTT trong hoạt động nghề nghiệp để lên ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển quảng bá sản phẩm thời trang.

PLO6: Có kỹ năng làm việc độc lập, phản biện, tự định hướng, thích nghi trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi để phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

PLO7: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động/lĩnh vực dệt may và thời trang (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam).

PLO8: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả; làm việc nhóm trong các hoạt động công tác chuyên môn.

PLO9: Lập kế hoạch công việc, tổ chức, giám sát, đánh giá, quản lý, truyền đạt, phổ biến các kiến thức về lĩnh vực dệt may và thời trang để khởi nghiệp và kinh doanh thành công

PLO10: Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học tập và học tập suốt đời cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên phòng thiết kế, phát triển mẫu, nhân viên phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm may, nhân viên nghiên cứu phát triển họa tiết vải, xu hướng thời trang và ứng dụng thiết kế các sản phẩm thời trang theo xu hướng

- Chuyên viên tại các văn phòng đại diện, giáo viên dạy nghề tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

- Sau một khoảng thời gian có kinh nghiệm thực tế, và tự học nâng cao trình độ sinh viên có khả năng làm quản lý, điều hành các bộ phận và cơ sở sản xuất trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao;

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

[illegible]

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT									
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
Mục tiêu cụ thể											
PO1	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực Dệt, may và thời trang trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.	x	x								
PO2	Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập.									x	x
PO3	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập; giao tiếp hiệu quả; khả năng tự học; tham gia vào các cơ hội học tập suốt đời và luôn cập nhật các xu hướng về thời trang, chất liệu, hoa văn và họa tiết, cũng như công nghệ mới nổi trong lĩnh vực dệt, may và thời trang.						x	x	x		x
PO4	Phát triển khả năng hình thành ý tưởng thiết kế, thiết kế mẫu thời trang, thực hiện và vận hành thiết bị trên dây chuyền may, thực hiện mẫu vẽ thành sản phẩm thực tế cũng như phát triển hệ thống hình ảnh quảng bá sản phẩm, sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực dệt may và thời trang đảm bảo chất lượng, ứng dụng các công nghệ, thiết bị mới trong sản xuất may công nghiệp đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.			x	x	x					

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 155 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 48 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ

- *Phân lý thuyết* 62 tín chỉ
- *Phân thực hành, thực tập, đồ án* 36 tín chỉ
- *Khoá luận tốt nghiệp* 09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình:

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (48 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức 4TC GDTC, 8TC GDQP)			48		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT & PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		14		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36,18, 90)	x
001103	2. Toán giải tích	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
001053	3. Đại số tuyến tính	KHUĐ	2	(26, 8, 60)	x
000579	4. Hóa học	KHUĐ	2	(26, 8, 60)	x
000591	5. Vật lý	KHUĐ	4	(52, 16,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ (chọn 5 TC trong các học phần)		5		
001683	1. Tiếng anh chuyên ngành may	NN	2	(26, 8, 60)	
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002154	3. Kỹ năng nghề nghiệp - CN Dệt, may	DMTT	1	(15, 0, 30)	x
002129	4. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT & PL	1	(15, 0, 30)	x
002068	5. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 90)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 60)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 30)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 60)	x
	2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (107 tín chỉ)		107		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		26		
000252	1. Kỹ thuật điện	Điện – TĐH	2	(26, 8, 60)	x
001263	2. Vẽ kỹ thuật	Cơ khí	3	(36, 18, 90)	x
000092	3. Vẽ mỹ thuật ngành may	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
001121	4. Mỹ thuật trang phục	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001550	5. Vật liệu may	BM Dệt	3	(39, 12, 90)	x
001056	6. An toàn công nghiệp và môi trường	BM CNM	2	(28, 4, 60)	x
001123	7. Thiết bị may công nghiệp	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001682	8. Quản lý chất lượng trong may công nghiệp	BM CNM	2	(27, 6, 60)	x
000717	9. Hình họa thời trang	BM TKTT	2	(26, 8, 60)	x
001681	10. Công nghệ sản xuất sản phẩm may trong công nghiệp	BM CNM	2	(28, 4, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000050	11. Thiết kế trang phục 1	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		42		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		33		
002653	1. Thiết kế trang phục 2	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
002654	2. Công nghệ may 1: Công nghệ may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	2	(30, 30, 60)	x
001674	3. Thực hành 1 Cắt may áo sơ mi nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
001231	4. Tin ứng dụng chuyên ngành công nghệ may	BM CNM	3	(9, 72, 90)	x
001670	5. Thiết kế trang phục 5: Thiết kế mẫu trên manocanh	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001671	6. Sáng tác mẫu thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001669	7. Đồ án thiết kế thời trang	BM TKTT	2	(0, 120, 60)	x
001676	8. Công nghệ may 2: Công nghệ may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001673	9. Thực hành 2 Cắt may quần âu nam, nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
001668	10. Thực hành 5 Sản phẩm thời trang	BM TKTT	3	(0, 120, 90)	x
001257	11. Thiết kế thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002424	12. Lập kế hoạch sản xuất may công nghiệp	BM CNM	2	(27, 6, 60)	x
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 9TC trong các học phần)</i>		9		
002118	12. Thực tập sản xuất 1	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002119	13. Thực tập sản xuất 2	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002120	14. Thực tập sản xuất 3	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002400	15. Sáng tác mẫu thời trang trẻ em	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
002423	16. Quản lý đơn hàng (Merchandising)	BM CNM	2	(27, 6, 60)	
000042	17. Marketing ngành may	BM CNM	2	(27, 6, 60)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Moduln)		39		
	<i>2.3.1. Moduln 1: Chuyên ngành Công nghệ may</i>		39		
	<i>2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>		19		
001675	1. Công nghệ may 3: Công nghệ may áo jacket nam, nữ và áo veston nam	BM CNM	3	(39, 12, 90)	x
001307	2. Công nghệ may 4: Xây dựng tài liệu kỹ thuật cho mã hàng	BM CNM	2	(27, 6, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001665	3. Thiết kế dây chuyền may công nghiệp	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001126	4. Thiết kế trang phục 3	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001664	5. Thiết kế trang phục 4: Thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(36, 18, 90)	x
001376	6. Đồ án công nghệ may	BM CNM	2	(0, 120, 60)	x
001672	7. Thực hành 3 Cắt may áo Jacket nam, nữ	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6TC trong các học phần)		6		
001667	1. Tổ chức quản lý sản xuất may công nghiệp	BM CNM	2	(24, 12, 60)	x
001886	2. Thực hành 4 Cắt may áo veston nam	BM CNM	4	(0, 160, 120)	x
002064	3. Thiết kế sản phẩm từ vải dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	
002065	4. Công nghệ may sản phẩm dệt kim	BM CNM	2	(24, 12, 60)	
002066	5. Thực hành cắt may sản phẩm dệt kim	BM CNM	4	(0, 120, 90)	
000893	Thực tập cuối Khóa	BM CNM	5	(0/300/0)	x
001869	Khóa luận tốt nghiệp ngành CN May	BM CNM	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ may (chọn 9TC trong các học phần)				
001663	1. Thực tập doanh nghiệp 1: Thực tập sản xuất may dây chuyền quần âu, áo sơ mi	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
001662	2. Thực tập doanh nghiệp 2: Thực tập sản xuất may dây chuyền áo jacket nam, nữ	BM CNM	3	(0, 180, 0)	
001122	3. Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học	BM CNM	3	(36, 18, 90)	
002401	4. Thực hành cắt may bộ veston nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
002402	5. Thực hành cắt may cắt may áo dài nữ	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
001128	6. Thực hành thiết kế mẫu trong may công nghiệp	BM CNM	3	(0, 120, 90)	x
	2.3.2. Modul 2: Chuyên ngành Thiết kế thời trang		39		
	2.3.2.1. Kiến thức bắt buộc		19		
002403	1. Bố cục và nhịp điệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002404	2. Trang trí màu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002405	3. Thực hành hình họa thời trang	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x
002406	4. Diễn họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002407	5. Thực hành thời trang nâng cao 1	BM TKTT	3	(0, 90, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002408	6. Thực hành thời trang nâng cao 2	BM TKTT	4	(0, 120,120)	x
	2.3.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6TC trong các học phần)		6		
002409	1. Đồ họa thời trang	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002410	2. Kỹ thuật sáng tác chất liệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
001122	3. Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
001901	4. Sáng tác mẫu thời trang theo thương hiệu	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	
000014	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001903	6. Sáng tác mẫu trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001904	7. Kỹ thuật trang trí vải	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
001905	8. Trang phục các dân tộc Việt Nam	BM TKTT	2	(24, 12, 60)	
000893	Thực tập cuối Khóa	BM TKTT	5	(0/300/0)	x
001869	Khóa luận tốt nghiệp ngành CN May	BM TKTT	9	(0/540,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành thiết kế thời trang				
001663	1. Thực tập doanh nghiệp 1: Thực tập sản xuất may dây chuyền quần áo, áo sơ mi	BM TKTT	3	(0, 180, 0)	
002108	2. Thực tập sản xuất tại xưởng thời trang	BM TKTT	3	(0, 180, 0)	
001661	3. Thực tập doanh nghiệp 3: Thực tập sản xuất may dây chuyền sản phẩm dệt kim dệt kim	BM TKTT	3	(0, 180, 0)	
002425	4. Sáng tác mẫu thời trang theo kỹ thuật làng nghề	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002426	5. Sáng tác mẫu thời trang bền vững	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x
002427	6. Sáng tác mẫu thời trang thể thao	BM TKTT	3	(36, 18, 90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

- Khôi kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.
- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:
 - + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
 - + Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;
 - + Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
 - + Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - + Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;
- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.
- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.
- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4,5 năm, chia thành 9 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:
 - Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
 - Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
 - Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

○ Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

○ Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long